

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

Số: ~~3292~~ /CV-TC.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình
thanh toán gốc, lãi

TP.HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2025.

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Người Sở Hữu Trái Phiếu

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Á Châu gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 91/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19/9/2018, Quyết định số 2438/QĐ-NHNN ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu và Quyết định số 1370/QĐ-NHNN ngày 28/06/2024 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/05/1993, đăng ký điều chỉnh lần gần nhất ngày 25/06/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3929 0999

Fax: (84-28) 3839 9885

Website: www.acb.com.vn

Email: acb@acb.com.vn

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, cụ thể:

- ✓ Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức và dân cư thuộc các thành phần kinh tế với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn;
- ✓ Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước;
- ✓ Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- ✓ Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- ✓ Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng nhà nước cho phép;
- ✓ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ✓ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- ✓ Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301452948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp cấp đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 40, ngày 25/06/2024.

- Mã số thuế: 0301452948

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: đề nghị báo cáo đối với tất cả các trái phiếu đang còn dư nợ tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo (không bao gồm các thanh toán về mua lại/hoán đổi/chuyển đổi trái phiếu). Cụ thể:

a) Thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ:

- Kỳ báo cáo: năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)

- Ngày thông kê: 31/12/2024

- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Á Châu

S T T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	ACB.TP_VC2.2 019.01 (2)	30.000.000.000	30.000.000.000	Trả lãi	07/01/2024	07/01/2024	07/01/2024	8,50	2.550.000.000	2.550.000.000	0	0	0	0
2	ACBH2224001	650.000.000.000	0	Trả lãi	28/03/2024	28/03/2024	28/03/2024	3,90	25.419.452.055	25.419.452.055	0	0	0	0
3	ACBH2224002	1.000.000.000.000	0	Trả lãi	05/04/2024	05/04/2024	05/04/2024	3,90	39.106.849.315	39.106.849.315	0	0	0	0
4	ACBH2124001	1.000.000.000.000	0	Trả lãi	22/04/2024	22/04/2024	22/04/2024	4,00	40.109.589.041	40.109.589.041	0	0	0	0
5	ACBH2124002	2.000.000.000.000	0	Trả lãi	26/04/2024	26/04/2024	26/04/2024	4,00	77.786.301.370	77.786.301.370	0	0	0	0
6	ACBH2224003	2.000.000.000.000	0	Trả lãi	26/04/2024	26/04/2024	26/04/2024	3,90	80.219.178.082	80.219.178.082	0	0	0	0
7	ACBH2124003	2.000.000.000.000	0	Trả lãi	06/05/2024	06/05/2024	06/05/2024	4,00	80.219.178.082	80.219.178.082	0	0	0	0
8	ACBH2124004	1.200.000.000.000	0	Trả lãi	03/06/2024	03/06/2024	03/06/2024	4,00	48.131.506.849	48.131.506.849	0	0	0	0
9	ACBH2124007	1.000.000.000.000	0	Trả lãi	28/06/2024	28/06/2024	28/06/2024	4,00	40.109.589.041	40.109.589.041	0	0	0	0
10	ACBH2124008	500.000.000.000	0	Trả lãi	30/06/2024	01/07/2024	01/07/2024	4,00	20.054.794.521	20.054.794.521	0	0	0	0
11	ACBH2124009	1.500.000.000.000	0	Trả lãi	01/07/2024	01/07/2024	01/07/2024	4,00	60.164.383.562	60.164.383.562	0	0	0	0
12	ACBH2124010	1.500.000.000.000	0	Trả lãi	05/07/2024	05/07/2024	05/07/2024	4,00	60.164.383.562	60.164.383.562	0	0	0	0

S T T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
13	ACBL2325001	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	Trả lãi	07/08/2024	07/08/2024	07/08/2024	6,50	162.945.205.475	162.945.205.475	0	0	0	0
14	ACBL2325002	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	Trả lãi	11/08/2024	12/08/2024	12/08/2024	6,50	162.945.205.475	162.945.205.475	0	0	0	0
15	ACBL2325003	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	15/08/2024	15/08/2024	15/08/2024	6,50	97.767.123.285	97.767.123.285	0	0	0	0
16	ACBL2325004	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	25/08/2024	26/08/2024	26/08/2024	6,50	97.767.123.285	97.767.123.285	0	0	0	0
17	ACBH2224012	1.500.000.000.000	0	Trả lãi	30/08/2024	30/08/2024	30/08/2024	5,20	78.213.698.630	78.213.698.630	0	0	0	0
18	ACBL2325005	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000	Trả lãi	12/09/2024	12/09/2024	12/09/2024	6,50	325.890.410.950	325.890.410.950	0	0	0	0
19	ACBL2325006	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	19/09/2024	19/09/2024	19/09/2024	6,50	130.356.164.384	130.356.164.384	0	0	0	0
20	ACBL2326007	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	02/10/2024	02/10/2024	02/10/2024	6,30	31.586.301.370	31.586.301.370	0	0	0	0
21	ACBL2325008	900.000.000.000	900.000.000.000	Trả lãi	10/10/2024	10/10/2024	10/10/2024	6,50	58.660.273.973	58.660.273.973	0	0	0	0
22	ACBL2325009	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	Trả lãi	20/10/2024	21/10/2024	21/10/2024	6,00	150.410.958.905	150.410.958.905	0	0	0	0
23	ACB.2019.04	1.500.000.000.000	0	Trả lãi	06/12/2024	06/12/2024	06/12/2024	7,10	106.791.780.821	106.791.780.821	0	0	0	0
24	TPACB2018/10 Y	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	Trả lãi	19/12/2024	19/12/2024	19/12/2024	7,35	162.143.013.699	162.143.013.699	0	0	0	0
25	ACB.TP_VC2.2 019.01 (1)	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	27/12/2024	27/12/2024	27/12/2024	8,50	17.046.575.342	17.046.575.342	0	0	0	0

S T T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa *	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế ***	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
26	ACBH2224001	650.000.000.000	0	Trả gốc	28/03/2024	28/03/2024	28/03/2024	3,90	650.000.000.000	650.000.000.000	0	0	0	0
27	ACBH2224002	1.000.000.000.000	0	Trả gốc	05/04/2024	05/04/2024	05/04/2024	3,90	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	0	0	0	0
28	ACBH2124001	1.000.000.000.000	0	Trả gốc	22/04/2024	22/04/2024	22/04/2024	4,00	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	0	0	0	0
29	ACBH2124002	2.000.000.000.000	0	Trả gốc	26/04/2024	26/04/2024	26/04/2024	4,00	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	0	0	0	0
30	ACBH2224003	2.000.000.000.000	0	Trả gốc	26/04/2024	26/04/2024	26/04/2024	3,90	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	0	0	0	0
31	ACBH2124003	2.000.000.000.000	0	Trả gốc	06/05/2024	06/05/2024	06/05/2024	4,00	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	0	0	0	0
32	ACBH2124004	1.200.000.000.000	0	Trả gốc	03/06/2024	03/06/2024	03/06/2024	4,00	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	0	0	0	0
33	ACBH2124007	1.000.000.000.000	0	Trả gốc	28/06/2024	28/06/2024	28/06/2024	4,00	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	0	0	0	0
34	ACBH2124008	500.000.000.000	0	Trả gốc	30/06/2024	01/07/2024	01/07/2024	4,00	500.000.000.000	500.000.000.000	0	0	0	0
35	ACBH2124009	1.500.000.000.000	0	Trả gốc	01/07/2024	01/07/2024	01/07/2024	4,00	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	0	0	0
36	ACBH2124010	1.500.000.000.000	0	Trả gốc	05/07/2024	05/07/2024	05/07/2024	4,00	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	0	0	0
37	ACBH2224012	1.500.000.000.000	0	Trả gốc	30/08/2024	30/08/2024	30/08/2024	5,20	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	0	0	0
38	ACB.2019.04	1.500.000.000.000	0	Trả gốc	06/12/2024	06/12/2024	06/12/2024	7,10	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	0	0	0	0

24
NG
HAI
IN
IU
CHÍNH

Ghi chú:

* **Ngày thanh toán danh nghĩa** là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

** **Ngày thanh toán theo kế hoạch** là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

*** **Ngày thanh toán thực tế** là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

(1) **Số tiền phải thanh toán** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ phải trả đối với từng Ngày thanh toán danh nghĩa;

(2) **Số tiền đã thanh toán đúng hạn** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán trước hoặc trong Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;

(3) **Số tiền đã thanh toán chậm** là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán nhưng sau Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;

(4) **Số tiền chưa thanh toán** là phần còn lại của Số tiền phải thanh toán trừ đi Số tiền thanh toán đúng hạn và Số tiền đã thanh toán chậm.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
GIÁM ĐỐC PHÒNG
QUẢN TRỊ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trần Trung Hiếu

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hòa

Nơi nhận:

- Như kính gửi

- Lưu: P.QTBCĐKT, Ph TH